TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-ST
Ngày 24/4/2026
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Tạ Thị Thế

ông Nguyễn Văn Đang.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2025/TLST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-DS ngày 04/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-DS ngày 26/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Phạm Quốc T, S năm 1979; địa chỉ: thôn Tr, xã ĐT, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

- Bị đơn: anh Phạm Văn P, S năm 1972; địa chỉ: xóm 2 NL, xã YM, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Phan Thị S, S năm 1978; địa chỉ: xóm 2 NL, xã YM, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025 và Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2025, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Quốc T, trình bày:

Ngày 17/01/2023 (tức ngày 26/12 âm lịch) anh T có cho chị Phan Thị S, S năm 1978; địa chỉ: xóm 2 NL, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm 2 NL, xã YM, tỉnh Ninh Bình) vay số tiền 20.000.000 đồng, chị S có viết Giấy vay tiền với nội dung chị có vay của anh T số tiền 20.000.000 đồng, chị S sẽ hoàn trả lại đầy đủ số tiền này cho anh T và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu chị S không trả được.

Theo anh T, chị S vay số tiền trên trong thời hạn 10 ngày. Đến hẹn, chị S không trả được tiền cho anh T. Sau nhiều lần đòi nợ, đến ngày 25/8/2024 anh Phạm Văn P là chồng chị S có viết "Giấy nhận trả nợ" với nội dung anh P nhận trả nợ thay cho chị S là vợ của anh P, anh P hứa là khoảng ngày 20/12/2024 sẽ trả cho anh T số tiền 10.000.000 đồng; số còn lại sẽ trả vào ngày 20/3/2025. Trong thời gian anh P hứa trả nợ thay cho chị S, anh P có trả được cho anh T số tiền 6.000.000 đồng (cụ thể: ngày 26/12/2024 anh P trả 3.000.000 đồng và ngày 23/01/2025 anh P trả 3.000.000 đồng). Sau đó anh P không trả tiếp cho anh T số tiền còn lại. Anh T nhiều lần liên hệ, nhưng anh P không trả.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025, anh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn P phải trả cho anh số tiền 23.766.000 đồng (bao gồm: 14.000.000 đồng nợ gốc và 9.766.000 đồng tiền lãi. Sau khi Tòa án yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, anh T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2025, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P phải trả cho anh số tiền 14.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/3/2026 anh P trả tiếp cho anh T số tiền 7.000.000 đồng và ngày 17/4/2026 anh P trả tiếp cho anh T số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh P phải trả cho anh số tiền 2.000.000 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 29/12/2025, bị đơn anh Phạm Văn P trình bày: anh Phạm Văn P xác nhận ngày 17/01/2023, chị Phan Thị S là vợ anh có vay của anh T số tiền 20.000.000 đồng, nhưng đến hẹn chị S không trả được cho anh T số tiền này. Anh là chồng của chị S đã đứng ra nhận nợ và trả nợ thay cho chị S, cụ thể ngày 25/8/2024 anh P có viết Giấy nhận nợ và trả nợ thay cho chị S, anh P hứa đến khoảng ngày 20/12/2024 sẽ trả cho anh T 10.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả vào ngày 20/3/2025. Tổng cộng cho đến ngày lập Biên bản làm việc anh P đã trả được cho anh T số tiền 6.000.000 đồng và còn nợ lại anh T số tiền 14.000.000 đồng. Do anh là bộ đội lương còn phải chi tiêu S hoạt trong gia đình, nên anh P đề nghị anh T cho anh được trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng, cụ thể: khoảng từ ngày 15/01/2026 đến ngày 20/01/2026 anh P trả cho anh T 4.000.000 đồng; lần hai khoảng từ ngày 15/4/2026 đến ngày 20/4/2026 anh P trả cho anh T 5.000.000 đồng và lần cuối cùng khoảng từ ngày 15/7/2026 đến ngày 20/7/2026 anh P trả nốt cho anh T 5.000.000 đồng. Nếu anh T không đồng ý với P án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/3/2026 anh P trả tiếp cho anh T số tiền 7.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng Agribank

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị S. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và ra Thông báo yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, để chị S thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng chị S không đến Tòa án để làm việc và không giao nộp các tài liệu, chứng cứ nào để Tòa án xem xét. Tòa án đã giao các văn bản gồm Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chị S.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu Hà (vợ anh T) có bản trình bày ý kiến với nội dung: chị Hà được biết đầu năm 2023 anh T chồng chị có cho chị S vay số tiền 20.000.000 đồng, nhưng chị S không trả đúng hẹn cho anh T. Sau đó anh P là chồng chị S đã đứng ra nhận trả nợ thay cho chị S. Đối với số tiền anh T cho vợ chồng chị S vay là tiền riêng của anh T, không liên quan gì đến tài sản chung vợ chồng. Chị Hà đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không triệu tập chị đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: ngày 17/01/2023 anh Phạm Quốc T cho chị Phan Thị S vay số tiền 20.000.000 đồng; đến hẹn chị S không trả được nợ cho anh T. Anh Phạm Văn P là chồng chị Phan Thị S đã nhận trả nợ thay và ký giấy xác nhận nợ với anh T. Theo giấy xác nhận nợ, anh P cam kết đến khoảng ngày 20/12/2024 sẽ trả cho anh T 10.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả vào ngày 20/3/2025. Tuy nhiên, ngày 26/12/2024 anh P trả 3.000.000 đồng và ngày 23/01/2025 anh P trả 3.000.000 đồng cho anh T, sau đó anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/3/2026 anh P trả tiếp cho anh T số tiền 7.000.000 đồng và ngày 17/4/2026 anh P trả tiếp cho anh T số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh P phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh số tiền còn nợ là 2.000.000 đồng.

Việc yêu cầu khởi kiện của anh T đối với anh P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 370, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Quốc T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Phạm Văn P phải trả cho anh Phạm Quốc T số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn anh Phạm Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Phạm Văn P, S năm 1972; địa chỉ: xóm 2 NL, xã YM, tỉnh Ninh Bình. Tòa án xác định đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: chị S xác lập và thực hiện giao dịch từ ngày 17/01/2023, đến ngày 25/8/2024 phát S tranh chấp. Ngày 15/10/2025, anh T khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015

[1.3] Về xác định tư cách tố tụng: tại Bản trình bày ý kiến, chị Nguyễn Thị Thu H (vợ anh T) xác định số tiền 20.000.000 đồng anh T cho chị S vay là tài sản riêng của anh T. Việc anh T khởi kiện, chị H không ý kiến gì và xác định chị không liên quan gì trong vụ án. Do đó, Tòa án không đưa chị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.4]. Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà. Bị đơn anh Phạm Văn P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị S đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định

hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn P, chị Phan Thị S.

[2] Về nội dung vụ án: ngày 17/01/2023 anh T có chị Phan Thị S vay số tiền 20.000.000 đồng, chị S có viết Giấy vay tiền với nội dung trên. Đến hẹn, chị S không trả được tiền cho anh T. Ngày 25/8/2024 anh Phạm Văn P là chồng chị S có viết "Giấy nhận trả nợ" với nội dung anh P nhận trả nợ thay cho chị S là vợ của anh P. Quá trình giải quyết vụ án, tính đến hết ngày 23/4/2026 anh P đã trả cho anh T số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 2.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về tính hợp pháp của các giao dịch:

Đối với "Giấy vay tiền", đề ngày 17/1/2023 do chính chị Phan Thị S viết có đầy đủ thông tin về giao dịch thể hiện tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát S từ giao dịch đã ký kết nói trên.

Đối với "Giấy nhận trả nợ", đề ngày 25/8/2024 do chính anh Phạm Văn P viết với nội dung, anh P xác nhận anh là người nhận trả nợ thay cho chị S là vợ anh, số tiền chị S nợ anh T. Như vậy, mặc dù giao dịch ban đầu là giao dịch giữa anh T và chị S, nhưng anh P là chồng chị S đã đứng ra nhận thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho chị S. Giao dịch giữa chị S với anh T đã được chuyển giao và thay thế bởi giao dịch giữa anh P và anh T. Anh P xác lập giao dịch này trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát S từ giao dịch đã ký kết nói trên.

[3.2] Về xác định số nợ còn phải trả:

Theo "Giấy vay nợ" đề ngày 17/01/2023 do chị Phan Thị S lập, chị S xác nhận có vay nợ của anh Phạm Quốc T số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 25/8/2024 anh Phạm Văn P đã nhận thực hiện nghĩa vụ thay cho chị S, tại thời điểm xác nhận số nợ là 20.000.000 đồng. Quá trình thực hiện nghĩa vụ, ngày 26/12/2024 anh P trả 3.000.000 đồng và ngày 23/01/2025 anh P trả 3.000.000 đồng cho anh T.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2025, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn P phải trả cho anh số tiền 14.000.000 đồng nợ gốc. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/3/2026 anh P trả tiếp cho anh T số tiền 7.000.000 đồng và ngày 17/4/2026 anh P trả tiếp cho anh T số tiền 5.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển

khoản qua Ngân hàng Agribank đến tài khoản của anh T, các lần thực hiện nghĩa vụ trả nợ này được anh T xác nhận.

Tại phiên tòa, anh T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn P phải trả cho anh số tiền còn nợ lại là 2.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó cần được chấp nhận.

Như vậy, tính đến thời điểm xét xử (ngày 24/4/2026), anh Phạm Văn P còn nợ anh Phạm Quốc T số tiền 2.000.000 đồng.

Do anh Phạm Văn P vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, nên anh T đã khởi kiện tại Tòa án. Việc khởi kiện của anh Phạm Quốc T yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Văn P phải trả số tiền còn nợ nói trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự, cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là anh Phạm Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, số tiền anh P phải trả cho anh T có giá trị dưới 6.000.000 đồng, do đó anh P phải chịu án phí tương ứng với án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng. Trả lại cho anh Phạm Quốc T số tiền 350.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 370, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn anh Phạm Quốc T đối với bị đơn anh Phạm Văn P. Buộc anh Phạm Văn P phải trả cho anh Phạm Quốc T số tiền còn nợ là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Phạm Văn P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho anh Phạm Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003248 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc Bản án niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND tỉnh NB;*
- *VKSND KV2-NB;*
- *Phòng THADS KV2-NB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Ngọc Hưng